TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 11- 3 -2020
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương;
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Phong;
2. Bà Hà Thị Minh Quế.

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Huyền - Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: Ông Lộc Hồng Điệp - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 364/2019/TLST-HNGĐ ngày 20-12-2019 về việc: "Ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01 /2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03-02-2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18-02-2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị P, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện VY, tỉnh Yên Bái; có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Lương Văn V, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện VY, tỉnh Yên Bái; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 12 năm 2019 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Đặng Thị P trình bày:

Chị và anh Lương Văn V trước khi kết hôn có tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 05-11-2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện VY, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 02-2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 02 năm 2016 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị P xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh V nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Chị P và anh V có 01 con chung Lương Minh Ph, sinh ngày 19-11-2014. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái đã nhiều lần báo gọi, gửi thông báo phiên hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án có gửi các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh Lương Văn V nhưng anh V không có mặt theo yêu cầu của Tòa án. Tòa án có xuống địa phương để gặp và làm việc với anh V về nội dung chị P xin ly hôn anh và có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung nhưng anh P đã từ chối không làm việc với Tòa án (Bút lục 28). Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh V vẫn đăng ký hộ khẩu tại thôn T, xã T, huyện VY, tỉnh Yên Bái. Hiện nay anh V không cắt tạm trú, tạm vắng hoặc chuyển khẩu đi đâu. Qua xác minh tại Trưởng thôn T, xã T, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, cho biết: Chị P và anh V có đăng ký kết hôn ngày 05-11-2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Chị P và anh V trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, chị P đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ khoảng tháng 02 năm 2016, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay; Về con chung: Chị P và anh V có 01 con chung Lương Minh Ph, sinh ngày 19-11-2014; về tài sản chung và nợ chung chị P và anh V có hay không trưởng thôn không rõ. Nay chị P xin ly hôn anh Viên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P, xử cho chị P và anh V được ly hôn; Giao cháu Lương Minh Ph, sinh ngày 19-11-2014 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh V không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Lương Văn V là

bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh Lương Văn V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh V trước khi kết hôn có tìm hiểu và tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 05-11-2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện VY, tỉnh Yên Bái. Việc kết hôn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật Hôn nhân và Gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh V là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[3] Về mâu thuẫn vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy: Quá trình chung sống chị P và anh V tính cách không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hiểu nhau. Vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi, chị P về nhà Bố Mẹ đẻ sinh sống từ tháng 02-2016 đến nay. Từ đó vợ chồng không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã báo gọi anh V nhiều lần và có xuống địa phương để gặp và làm việc với anh V về yêu cầu Ly hôn và nuôi con chung của chị P nhưng anh V không hợp tác và từ chối làm việc với Tòa án. Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì mâu thuẫn giữa chị P và anh V là đúng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên thấy yêu cầu ly hôn của chị P là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đặng Thị P.

[4] Về con chung: Chị P và anh V có 01 con chung là Lương Minh P, sinh ngày 19-11-2014. Khi ly hôn, chị P có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy: Cháu Lương Minh Ph còn nhỏ nên rất cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, cần giao con chung là Lương Minh Ph cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Anh Lương Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Đặng Thị P là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị P đối với anh Lương Văn V. Chị Đặng Thị P được ly hôn anh Lương Văn V.

2. Về con chung: Chị Đặng Thị P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lương Minh Ph, sinh ngày 19-11-2014 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi. Anh Lương Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí chị P đã nộp theo biên lai số AA/2017/0003415 ngày 20-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Xác nhận chị P đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lương Văn V không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lương Văn V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Thi hành án DS huyện Văn Yên;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương